

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Nguyễn Minh Trí

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số I đường L, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Quang D, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A đường P, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Trịnh Quang D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 04 cấp ngày 13/12/2003. Quá trình chung sống, bà T và ông D có 02 con chung tên Trịnh Quang D1, sinh ngày 25/10/2004 và Trịnh Quang O, sinh ngày 07/11/2012.

Sau khi kết hôn, bà T và ông D chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong khoảng 10 năm nay cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, ông D có hành vi đánh đập

bà T, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, cả hai nhiều lần tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn và ngày càng trầm trọng hơn.

Nay, bà T nhận thấy vợ chồng đã không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Quang D; về con chung bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Quang O. Cháu Trịnh Quang D1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về cấp dưỡng bà T yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung Trịnh Quang O là 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông D không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Quang D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia hòa giải, tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản giải trình về vụ kiện cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà T và ông D có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng và ông D có hành vi đánh đập bà T là đúng thực tế theo Biên bản xử lý vi phạm hành chính của UBND phường T nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trịnh Quang D hiện đang cư trú tại số A đường P, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;

Bị đơn ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị T và ông Trịnh Quang D chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh

Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 04 cấp ngày 13/12/2003 nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn, ông D thường xuyên có hành vi đánh đập bà T. Căn cứ Bản cảm kết ngày 09/12/2023 và Biên bản vi phạm hành chính ngày 03/5/2024 của Công an phường T xác định quá trình chung sống, ông D có hành vi đánh đập gây thương tích cho bà T, sự việc được bà T trình báo Công an địa phương và ông D bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính ngày 03/5/2024. Quá trình bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy ông D không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên Trịnh Quang D1, sinh ngày 25/10/2004 và Trịnh Quang O, sinh ngày 07/11/2012. Sau ly hôn, bà Phạm Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trịnh Quang O, đối với con chung là Trịnh Quang D1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông D không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng. Xét thấy, con chung là cháu Trịnh Quang O hiện nay đang sinh sống ổn định cùng bà T, bà T hiện có công việc và thu nhập ổn định, có thể đảm bảo việc chăm lo cho con và cháu Trịnh Quang O cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung của bà T sẽ tốt hơn cho con về mọi mặt. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận. Bà T yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Quang O 2.000.000đồng/tháng là phù hợp với thu nhập bình quân nơi ông D sinh sống và phù hợp quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T và giao con chung cháu Trịnh Quang O cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn ông Trịnh Quang D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trịnh Quang D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 04 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/12/2003).

Về con chung: Bà Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trịnh Quang O, sinh ngày 07/11/2012. Con chung Trịnh Quang D1, sinh ngày 25/10/2004 đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trịnh Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Quang O 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu O đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trịnh Quang D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; trường hợp, đương sự lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Phạm Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trịnh Quang D.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002401 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Ông Trịnh Quang D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân